

Số: **4030**/QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **17** tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 6 trên cơ sở
Trung tâm Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản vùng 6**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 79/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ Quy định hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra và kiểm nghiệm về vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 29/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (tại Tờ trình số 1560/QLCL-VP ngày 17/10/2008 về việc xin phê duyệt Đề án tổ chức lại các Trung tâm Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản và thành lập các Cơ quan đại diện trực thuộc Cục);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 6 trên cơ sở Trung tâm Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản vùng 6 (sau đây gọi tắt là Trung tâm Chất lượng vùng 6) trực thuộc Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Tên giao dịch quốc tế của Trung tâm Chất lượng vùng 6 là: National Agro-forestry-Fisheries Quality Assurance Department - Branch 6, viết tắt là NAFIQAD-Branch 6.

Trụ sở Trung tâm Chất lượng vùng 6 đặt tại 386C Cách mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Chất lượng vùng 6 là đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản và muối.

2. Trung tâm Chất lượng vùng 6 có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

3. Trung tâm được được thu phí, lệ phí, được sử dụng một phần kinh phí từ ngân sách triển khai chương trình Quốc gia theo kế hoạch được duyệt.

4. Phạm vi hoạt động của Trung tâm Chất lượng vùng 6 gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, dự án, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy trình, quy phạm kỹ thuật về chất lượng nông lâm thủy sản và muối.

2. Triển khai nhiệm vụ về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản và muối:

a) Thực hiện các hoạt động sự nghiệp theo các chương trình giám sát quốc gia về an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản và muối trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt;

b) Tham gia phổ biến các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định của các tổ chức quốc tế, khu vực và các nước nhập khẩu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản và muối;

c) Tư vấn về việc đáp ứng các quy định về đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản và muối;

d) Thực hiện các dịch vụ công phục vụ việc:

- Kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với sản phẩm nông lâm thủy sản và muối xuất khẩu và sản phẩm nông lâm thủy sản và muối sản xuất trong nước trước khi xuất khẩu hoặc đưa ra tiêu thụ nội địa.

- Chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với thực phẩm thủy sản xuất khẩu, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh theo pháp luật Việt Nam, quy định của các tổ chức quốc tế hoặc thoả thuận song phương với nước nhập khẩu.

- Chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với thực phẩm thủy sản là nguyên liệu dùng cho chế biến nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh phù hợp với nhiệm vụ Bộ giao cho Cục.

- Kiểm tra công nhận điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản.

đ) Thực hiện các hoạt động phục vụ việc thẩm tra, truy xuất nguyên nhân sản phẩm nông lâm thủy sản và muối không đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và đề xuất các kiến nghị, giải pháp, biện pháp đảm bảo chất lượng sản phẩm.

3. Thực hiện nhiệm vụ về chất lượng các sản phẩm nông lâm sản, thủy sản không dùng làm thực phẩm (phi thực phẩm):

a) Thực hiện các hoạt động theo chương trình giám sát quốc gia, các hoạt động phục vụ việc thẩm tra, truy xuất nguyên nhân trong toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm nông lâm sản, thủy sản phi thực phẩm không đảm bảo chất lượng và đề xuất các kiến nghị, giải pháp, biện pháp xử lý;

b) Thực hiện các dịch vụ công phục vụ việc kiểm tra, chứng nhận đối với sản phẩm nông lâm sản, thủy sản phi thực phẩm nhập khẩu để chế biến và sản phẩm sản xuất trong nước trước khi xuất khẩu hoặc đưa ra tiêu thụ nội địa theo pháp luật Việt Nam, quy định của các tổ chức quốc tế hoặc thoả thuận song phương với nước nhập khẩu.

4. Về kiểm nghiệm và xét nghiệm:

a) Tham gia phổ biến các quy định của Việt Nam, các tổ chức quốc tế, khu vực và các nước nhập khẩu về chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm nghiệm, xét nghiệm;

b) Thực hiện kiểm nghiệm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối phục vụ việc kiểm tra, chứng nhận;

c) Thực hiện xét nghiệm bệnh thủy sản phục vụ chứng nhận kiểm dịch thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu dùng làm thực phẩm;

d) Thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

5. Thực hiện tư vấn và dịch vụ xây dựng chương trình, dự án đầu tư về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối tại khu vực được phân công.

6. Thực hiện điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối tại khu vực được phân công.

7. Hướng dẫn, tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn nâng cao năng lực trong lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối.

8. Tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ công nghệ, kỹ thuật chuyên ngành và thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định.

9. Thực hiện hoạt động khuyến nông, khuyến ngư về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối trong khu vực được phân công theo phân công của Cục.

10. Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công, uỷ quyền của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

11. Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Cục. Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản và muối, kiểm dịch thủy sản theo quy định của pháp luật.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương, khen thưởng, kỷ luật và các chính sách, chế độ khác đối với cán bộ, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm theo phân cấp.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Cục trưởng.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm Chất lượng vùng 6 có Giám đốc và các Phó Giám đốc do Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Giám đốc Trung tâm điều hành hoạt động của Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản và trước pháp luật về hoạt động của Trung tâm theo nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc Trung tâm giúp Giám đốc theo dõi, chỉ đạo, thực hiện một số lĩnh vực công tác theo phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Bộ máy giúp việc:

- a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- b) Phòng Chất lượng thủy sản;
- c) Phòng Chất lượng nông lâm sản;
- d) Phòng Kiểm nghiệm;

Bộ trưởng uỷ quyền Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản quy định nhiệm vụ cụ thể của bộ máy giúp việc, bố trí biên chế theo chỉ tiêu Bộ giao cho Cục và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Chất lượng vùng 6.

Theo nhu cầu công việc, Giám đốc Trung tâm Chất lượng vùng 6 được ký hợp đồng làm việc theo quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 15/2005/QĐ-BTS ngày 17/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc chuyển Chi cục Quản lý chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú ý thủy sản vùng 6 thành Trung tâm Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú ý thủy sản vùng 6 và các quy định trước đây của Bộ trái với Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Giám đốc Trung tâm Chất lượng vùng 6 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW liên quan;
- Các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ, VP Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG



Cao Đức Phát

...
...
...

...

...
...
...
...
...

...
...
...
...

